

Số: 68/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ khoản 2 Điều 149 và các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vàng Thị T, sinh năm: 2002

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

- Anh Tần A G, sinh năm: 2000

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 9 năm 2024 người yêu cầu chị Vàng Thị T và anh Tần A G thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị T và anh T1 A G kết hôn với nhau vào ngày 12/5/2021 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau tại bản Nậm Cha, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau

hạnh phúc. Cho đến năm 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau trong gia đình, bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau và không có hạnh phúc. Vợ, chồng chị **T** và anh **G** đã sống ly thân được hơn một năm. Trong thời gian vợ, chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ, chồng không còn. Trong quá trình giải quyết việc dân sự chị **T** và anh **G** không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện cuộc sống chung của vợ, chồng, vợ chồng không có quan tâm gì đến nhau. Hiện tại chị **T** và anh **G** vẫn đang sống ly thân, Tòa án đã tổ chức hòa giải để anh **G** và chị **T** đoàn tụ nhưng không thành, chị **T** và anh **G** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị **T** và anh **G**.

[2]. Về con chung: Anh **Tân A G** và chị **Vàng Thị T** thỏa thuận thống nhất anh **T1 A G** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là **Tân Xuân H**, sinh ngày 01/10/2018 và **Tân Xuân Đ**, sinh ngày 10/4/2021 đến khi hai con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Vàng Thị T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không được ai cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Tân A G** không yêu cầu chị **Vàng Thị T** cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị **Vàng Thị T** và anh **Tân A G** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: chị **Vàng Thị T** và anh **T1 A G** thỏa thuận, thống nhất chị **Vàng Thị T** là người chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, chị **Vàng Thị T** và anh **T1 A G** thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 14, ngày 12/5/2021 của **UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu**.

- Về con chung: Anh **Tân A G** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là **Tân Xuân H**, sinh ngày 01/10/2018 và **Tân Xuân Đ**, sinh ngày 10/4/2021 đến khi hai con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Vàng Thị T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không được ai cản trở, trừ việc lợi dụng việc thăm nom làm cản trở sự phát triển của con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Tân A G** không yêu cầu chị **Vàng Thị T** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Vàng Thị T** và anh **T1 A G** không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Vàng Thị T** và anh **T1 A G** thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự do chị **Vàng Thị T** nộp. Vậy chị **T** phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị **Vàng Thị T** đã nộp 300.000 đồng vào ngày 21 tháng 8 năm 2024 theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án; Ký hiệu: BLTU/23, số: 0000639 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CCTHADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Nậm Cha;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Mạnh Trang